

DỰ TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN
NĂM 2026

A. Dự toán thu

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Danh mục dự án	Tổng nguồn thu theo dự án	Lũy kế nguồn đã thu các năm trước	Nguồn thu năm kế hoạch				Nguồn thu còn lại các năm sau
				Tổng số	Nguồn thu được sử dụng trong năm			
					Số tiền	Tỷ lệ (%)	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5-6	9=3-4-5
A	Tổng nguồn thu (A=I+II+III+IV+V)			934.070.060	934.070.060		0	1.239.158.200
I	Nguồn thu năm trước chuyển sang							
1	Từ dự án được giao quản lý							
	Chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Quyết định số 151/QĐ-KKT ngày 27/12/2023 phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án; Quyết định số 36/QĐ-KKT ngày 27/06/2024 phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án) (Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Chi phí quản lý nghiệp vụ đồ án quy hoạch; Chi phí công bố quy hoạch; Chi phí lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư)	55.600.000	46.875.740	8.724.260	8.724.260		0	0
	Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng cửa khẩu quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp	1.770.226.000	0	531.067.800	531.067.800		0	1.239.158.200
2	Từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị							
II	Nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý							
1	Nguồn trích chi phí quản lý dự án							
1.1	Hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (Giai đoạn 3)	648.826.000	254.548.000	394.278.000	394.278.000		0	0
2	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý							
2.1	Nguồn thu từ chi phí quản lý dự án							
(1)	Dự án.							
(2)	Dự án							
2.2	Nguồn thu khác từ dự án (nếu có)							
(1)	Dự án.							
(2)	Dự án							
III	Dự án điều chỉnh, bổ sung trong năm							
IV	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)							
(1)	Dự án.							
(2)	Dự án							
V	Nguồn NSNN cấp (nếu có)							

B. Dự toán chi

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Năm báo cáo						Dự kiến mức chi năm kế hoạch			Ghi chú
		Dự toán được phê duyệt (điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, nếu có)			Ước thực hiện						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị		Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị		Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
B	Tổng cộng (I + II + III)										
	Chi thường xuyên giao tự chủ	934.070.060	934.070.060		934.070.060	934.070.060		934.070.060	934.070.060		
1	Tiền lương										
2	Các khoản phụ cấp lương										
3	Các khoản trích nộp theo lương										
4	Làm thêm giờ										
5	Khen thưởng										
6	Chi phúc lợi tập thể										
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	180.000.000	180.000.000		180.000.000	180.000.000		180.000.000	180.000.000		
8	Mua vật tư văn phòng	100.000.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000		
9	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	10.000.000	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	10.000.000		
10	Hội nghị, Hội thảo	20.000.000	20.000.000		20.000.000	20.000.000		20.000.000	20.000.000		
11	Thanh toán công tác phí	150.000.000	150.000.000		150.000.000	150.000.000		150.000.000	150.000.000		

12	Thuế mướn	150.000.000	150.000.000		150.000.000	150.000.000		150.000.000	150.000.000		
13	Đoàn đi công tác nước ngoài										
14	Đoàn vào										
15	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	50.000.000	50.000.000		50.000.000	50.000.000		50.000.000	50.000.000		
16	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý	50.000.000	50.000.000		50.000.000	50.000.000		50.000.000	50.000.000		
17	Chi khác	224.070.060	224.070.060		224.070.060	224.070.060		224.070.060	224.070.060		
18	Chi dự phòng										
II	NSNN cấp cho chi thường xuyên (nếu có) chi tiết theo nội dung nhiệm vụ										
III	NSNN cấp cho chi không thường xuyên (nếu có) chi tiết theo nội dung nhiệm vụ										



KI. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Duy Thanh